

HOÀN SÂM NHUNG BỔ THẬN

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Dung dịch đối chiếu: Lấy khoảng 1,5 g bột Đảng sâm (mẫu chuẩn), thêm 15 ml *methanol* (TT) rồi tiến hành chiết như dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Hoàn mềm: Không được quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Hoàn cứng: Không được quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 100 °C, 4 h).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Ích khí bổ huyết, kiện tỳ dưỡng tâm. Chủ trị: Tâm tỳ hư, khí huyết hư, biểu hiện: lo sợ, hay quên, đánh trống ngực, hồi hộp, mất ngủ, ngủ mê, hơi thở ngắn, mệt mỏi, kém ăn. Tỳ không nhiếp huyết: Rong kinh, băng huyết, đại tiểu tiện ra huyết, đới hạ.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 6 g hoàn cứng hoặc 1 hoàn mềm, ngày 3 lần. Uống với nước ấm hoặc nước gừng tươi.

HOÀN SÂM NHUNG BỔ THẬN

Công thức

Ba kích (<i>Morindae officinalis Radix</i>)	30 g
Hà thủ ô đồ đã chế biến (<i>Fallopiae multiflorae Radix Praeparata</i>)	29 g
Bách hợp (<i>Lilii Bulbus</i>)	30 g
Nhân sâm (<i>Ginseng Rhizoma et Radix</i>)	3,6 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	29 g
Nhục thung dung (<i>Cistanches Herba</i>)	12 g
Bạch truật (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma</i>)	18 g
Nhung hươu (<i>Cervi pantotrichum Cornu</i>)	1,2 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	2,5 g
Hạt sen (<i>Nelumbinis nucifecae Semen</i>)	44 g
Cao ban long (<i>Cervi Cornus Colla</i>)	3,6 g
Thỏ ty tử (<i>Cuscutae Semen</i>)	20 g
Câu kỷ tử (<i>Lycii Fructus</i>)	20 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	120 g
Câu tích (<i>Cibotii Rhizoma</i>)	15 g
Trạch tả (<i>Alismatis Rhizoma</i>)	15 g
Hoài sơn (<i>Dioscoreae persimilis Tuber</i>)	38 g
Tục đoạn (<i>Dipsaci Radix</i>)	29 g
Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	12 g
Xuyên khung (<i>Chuanxiong Rhizoma</i>)	14 g
Đỗ trọng (<i>Eucommiae Cortex</i>)	12 g

Viễn chí (*Polygalae Radix*)

8 g

Đương quy (*Angelicae sinensis Radix*)

20 g

Mật ong vừa đủ (*Mel q.s*)

Bào chế

Ba kích: Lấy ba kích nhục, tẩm muối sao (Phụ lục 12.20).

Bách hợp: Rửa sạch, sấy khô.

Bạch linh: Cạo vỏ, đồ chín, thái nhỏ, sấy khô.

Bạch truật: Rửa sạch, đồ chín, thái phiến, sấy khô, tẩm nước vo gạo (Phụ lục 12.20).

Đảng sâm: Hấp chín, thái lát, sấy khô.

Nhân sâm: Thái mỏng, sấy khô.

Nhục thung dung: Rửa sạch bằng nước phèn, ngâm 3 h cho sạch muối, hấp chín, thái mỏng, sấy khô.

Hạt sen (Sen nhục): Rửa sạch, phơi khô, sao qua.

Thỏ ty tử: tẩm rượu sao (Phụ lục 12.20).

Thục địa: Thái lát mỏng, sấy khô.

Câu kỷ tử: Tẩm rượu (Phụ lục 12.20).

Các dược liệu sau đây chế biến theo chuyên luận riêng:

Cam thảo tẩm mật, Câu tích tẩm rượu, Hoài sơn (Củ mài) sao vàng.

Đỗ trọng tẩm muối sao, Đương quy tẩm rượu sao, Hà thủ ô đồ đã chế biến, Nhung hươu: sấy khô tán bột, Trạch tả chế muối, Tục đoạn thái lát, làm khô, Xuyên khung tẩm rượu. Nghiền bột mỗi vị thuốc trên. Hỗn hợp các bột thuốc theo công thức, trộn đều. Làm hoàn với mật ong đã canh và Cao ban long đã hòa tan trong mật ong nóng.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen nhánh, đồng nhất, mềm nhuyễn, mịn, mùi thơm đặc trưng, vị ngọt hơi đắng. Khối lượng 9 g.

Định tính

A. Định tính Hạt sen, Bạch linh và Củ mài: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi với độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Hạt sen, Bạch linh và Củ mài (mẫu chuẩn), phải thấy: Các hạt tinh bột hình chuông, hình trứng, dài 10 µm đến 60 µm, rộng khoảng 20 µm, có vân đồng tâm, rón lệch tâm, hình châm hay hình vạch của Củ mài. Hạt tinh bột hình trứng, hình bầu dục rộng 2 µm đến 6 µm, dài 4 µm đến 14 µm hoặc hình tròn có đường kính 2 µm đến 19 µm, rón phân nhánh, vân không rõ của Hạt sen. Sợi nấm không màu hay nâu nhạt, hơi khúc khuỷu, phân nhánh của Bạch linh.

B. Định tính Thục địa

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 20 g chế phẩm, cắt nhỏ, chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol* (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết *methanol*, cô trên cách thủy đến cạn. Thêm vào cồn 10 ml *n-butanol* (TT), đặt lên bếp cách thủy nóng, dùng thìa thủy tinh khuấy kỹ trong 5 min, gạn lấy dịch chiết butanol. Chiết lại cồn như trên

thêm 1 lần nữa. Gộp các dịch chiết butanol, cô trên cách thủy đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Thục địa (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, tiến hành chiết như dung dịch thử, bắt đầu từ “chiết bằng cách đun sôi trên cách thủy 15 min với *methanol* (TT)... Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT)”.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm đến 14 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric* (TT), sấy ở 120 °C đến khi hiện rõ vết.

Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Đương quy

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - *ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 5 g chế phẩm, cắt nhỏ (hoặc nghiền mịn), thêm 30 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,5 g bột Đương quy (mẫu chuẩn), thêm 20 ml *ether ethylic* (TT), lắc 30 min, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa lẫn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại tại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Bổ thận, cố tinh. Chủ trị: Thận hư, phòng sự yếu, di mộng tinh, kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, đau thắt lưng, mỏi gối, ù tai.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần uống 1 hoàn mềm, ngày dùng 2 lần.

Kiêng kỵ

Không nên dùng thuốc trong trường hợp ngoại cảm, kiết lỵ. Kiêng các chất cay, nóng, chất kích thích khi dùng thuốc.

HOÀN THẬP TOÀN ĐẠI BỔ

Công thức

Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	150 g
Bạch truật sao cám (<i>Atractylodis macrocephalae Radix Praeparata</i>)	100 g

Phục linh (<i>Poria</i>)	80 g
Cam thảo chích mật (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma Praeparatum cum Melle</i>)	80 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	100 g
Xuyên khung tẩm rượu (<i>Chuanxiong Rhizoma Praeparatum cum Vino</i>)	80 g
Bạch thược tẩm rượu sao (<i>Paeoniae Radix Alba Praeparatum cum Vino</i>)	100 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	150 g
Hoàng kỳ chích mật (<i>Astragali membranacei Radix Praeparatum cum Melle</i>)	150 g
Quế nhục (<i>Cinnamomi Cortex</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Thục địa thái lát và sấy khô. Quế nhục cạo bỏ lớp vỏ (vỏ ngoài). Đương quy rửa sạch, thái phiến, làm khô. Phục linh: gọt vỏ, thái mỏng hoặc đập nhỏ, làm khô. Đảng sâm: rửa sạch, hấp chín, làm khô. Nghiền các vị thuốc thành bột mịn, trộn đều thành bột kép và rây qua rây số 180. Nếu làm hoàn cứng thì lấy 100 g bột kép thêm 30 g đến 50 g mật luyện và hòa loãng trong lượng nước sôi thích hợp và làm hoàn cứng. Nếu làm hoàn mềm, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 120 g mật luyện, trộn đều cho mềm nhuyễn, làm viên hoàn mềm 9 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu nâu đến nâu đen, mùi thơm, vị ngọt sau hơi đắng cay.

Định tính

A. Định tính Phục linh, Quế nhục và Hoàng kỳ: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Phục linh, bột Quế nhục và bột Hoàng kỳ (mẫu chuẩn) thấy các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh của Phục linh. Các tế bào mô cứng màu vàng nâu, đứng riêng lẻ hay tụ thành đám, hình trái xoan hay hình chữ nhật với thành rất dày khoang rộng có ống trao đổi rõ, một số tế bào có thành mỏng về một phía của Quế. Sợi thành bó hay rải rác, thành dày với những kẽ nứt dọc trên bề mặt, hai đầu sợi thường bị gãy thành dạng tua như chổi hoặc gãy cụt của Hoàng kỳ.

B. Định tính Bạch thược

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat* - *acid acetic* - *acid formic* - *nước* (10 : 1 : 1 : 1).

Dung dịch thử: Nghiền 12 g hoàn với 6 g Kieseluhr, thêm 80 ml *ethanol* (TT), lắc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến cạn khô, hòa tan cồn khô trong 20 ml *nước*, lọc qua bông. Lắc dịch lọc với *n-butanol bão hòa nước* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa bằng 20 ml *nước*, gạn bỏ nước rửa. Bốc hơi dịch chiết